

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2022/DS-PT
Ngày 28/11/2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Ứng và ông Lê Văn Hữu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, địa chỉ: Tổ 4, p N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H, địa chỉ: Thôn 8A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị V, địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* + Anh Trần Huy B, địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Anh Trần Xuân P, địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Kim H có cho bà Dương Thị V vay tiền nhiều lần với nhiều khoản khác nhau, sau nhiều lần hứa hẹn nhưng bà V không trả được nên ngày 15-10-2020 giữa bà V, bà H và các con bà V là anh Trần Huy B, Trần Xuân P ký văn bản xác nhận công nợ, cụ thể số tiền tại thời điểm xác nhận nợ, bà V còn nợ bà H là 2.530.000.000 đồng. Do biết bà V chuyển nhượng đất tại thôn 4, xã Q cho anh Lê Văn H và chị Trần Thị T nên bà H có gặp yêu cầu bà V trả toàn bộ khoản tiền vay, tuy nhiên do bà V không có tiền trả, để thuận tiện trong việc chuyển nhượng đất nên chị T thỏa thuận với bà H, bà V trả thay cho bà V số tiền 2.000.000.000 đồng và trả làm nhiều lần, bà H đồng ý, số tiền còn lại là 530.000.000 đồng thì bà V có trách nhiệm trả. Trong ngày 21-01-2021 (ngày bà V ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng), chị T có trả thay cho bà V số tiền 500.000.000 đồng, số tiền gốc bà V còn nợ là 2.030.000.000 đồng, bà đồng ý để chị T trả thay bà V số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại 530.000.000 đồng bà V có trách nhiệm trả; sau khi thống nhất thỏa thuận, con trai bà V viết biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ, nội dung xác nhận số tiền bà V còn nợ bà H là 600.000.000 đồng (trong đó có số tiền lãi là 70.000.000 đồng và 530.000.000 đồng tiền gốc, do bà V vay đã lâu nên bà H yêu cầu tính lãi đến ngày viết giấy, đồng thời không tính thêm lãi đến ngày bà V trả hết nợ cho bà H, bà V đồng ý). Số tiền 600.000.000 đồng, bà V hẹn trả cho bà H trước ngày 21-01-2022.

Do việc chuyển nhượng đất giữa bà V và chị T không thành nên số tiền chị T thỏa thuận trả cho bà H, chị T cũng không trả, khoản tiền 600.000.000 đồng bà V cũng không trả cho bà H, do chị T không trả tiền nên thỏa thuận giữa bà V, bà H để chị T trả số tiền còn lại là 1.500.000.000 đồng cũng chấm dứt, đồng thời các bên thống nhất số tiền chị T trả 500.000.000 đồng là số tiền bà V trả cho bà H. Như vậy, tổng số tiền gốc bà V còn nợ bà H là 2.030.000.000 đồng, đối với số tiền lãi 70.000.000 đồng bà H không yêu cầu bà V trả mà yêu cầu bà V trả lãi tương ứng với các khoản tiền còn thiếu, cụ thể lãi kể từ ngày 15-9-2020 đến ngày 21-01-2021 đối với số tiền 2.530.000.000 đồng và lãi kể từ ngày 22-01-2021 đến ngày Tòa án giải quyết đối với số tiền 2.030.000.000 đồng với mức lãi suất 1,5%/tháng, số tiền lãi bà V phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02-8-2022) là 799.555.000 đồng.

Bị đơn Bà Dương Thị V trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của bà H nhiều lần, ngày 15-10-2020 giữa bà và bà H thống nhất chốt khoản tiền mà bà nợ của bà H là 2.530.000.000 đồng, gồm 2 tỷ tiền gốc và 530.000.000 đồng tiền lãi, do chuyển nhượng nhà và đất tại thôn 4, xã Q, huyện Đ cho chị T và anh Hiền nên bà V, bà H và chị T thỏa thuận chị T đứng ra nhận trả thay cho bà V số tiền 2 tỷ đồng (nếu chị T nhận chuyển nhượng nhà và đất của bà V thành công), số tiền còn lại 530.000.000 đồng bà V trả cho bà H, do khoản tiền của bà V vay bà H lâu ngày nên các bên thống nhất bà V trả thêm cho bà H số tiền lãi là 70.000.000 đồng, cộng thành số tiền 600.000.000 đồng, đồng thời bà H không tính lãi thêm đến khi bà V trả tiền cho bà H. Ngày 21-01-2021 chị T đã trả cho bà H số tiền 500.000.000 đồng; do việc chuyển nhượng đất không thành nên số tiền gốc và lãi còn lại bà V chưa trả được cho bà H, nay bà V xác nhận còn nợ bà H số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và 600.000.000 đồng tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, do không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh hai khoản nợ gốc và lãi nêu trên nên nếu bà H không thừa nhận, bà V đồng ý trả cho bà H số tiền gốc còn nợ bà H là 2.030.000.000 đồng và lãi là 70.000.000 đồng thành số tiền 2.100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoản tiền nợ gốc bà V còn nợ bà H là 1.500.000.000 đồng, bà V đồng ý trả lãi; đối với số tiền 600.000.000 đồng là tiền lãi, bà H đồng ý không tính lãi đối với bà V khoản tiền này nên bà V không đồng ý trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Huy B trình bày: Về giao dịch vay tiền giữa mẹ anh bà Dương Thị V và bà H anh không biết, anh xác nhận ngày 15-10-2020 tại nhà anh, anh cùng bà V, bà H và em trai có ký văn bản thỏa thuận xác nhận số tiền bà V còn nợ bà H là 2.530.000.000 đồng, số tiền này theo anh Bình được biết gồm tiền gốc và lãi. Sau khi chốt nợ, do gia đình anh chuyển nhượng nhà và đất cho chị T và các bên thống nhất chị T trả thay cho bà V khoản tiền nợ đối với bà H là 2.000.000.000 đồng, bà H cũng đồng ý để chị T trả thay số tiền trên, sau khi thống nhất các bên viết lại giấy “Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ”, số tiền còn lại bà V có trách nhiệm trả là 600.000.000 đồng (gồm 530.000.000 đồng tiền gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi), cùng ngày 21-01-2021 chị T trả thay bà V cho bà H số tiền 500.000.000 đồng, do việc chuyển nhượng đất không thành nên số tiền còn nợ lại bà H 2,1 tỷ đồng (gồm 2.030.000.000 đồng tiền gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi), hiện nay bà H khởi kiện, yêu cầu bà V trả số tiền 2.100.000.000 đồng, do không liên quan đến giao dịch vay tiền nên anh không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Xuân PH trong quá trình giải quyết trình bày: Việc vay tiền của mẹ anh là bà Dương Thị V đối với bà H trong quá trình làm ăn anh P không biết, anh cũng không trực tiếp nhận tiền và sử dụng tiền của bà H. Mọi giao dịch liên quan đến việc vay tiền do bà V thực hiện, anh xác nhận ngày 15-10-2020 anh có ký xác nhận nợ tiền đối với bà H, thực tế

như thế nào anh PH không biết, do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản án số: 07/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đăk G'long, tỉnh Đăk Nông đã tuyên xử:

“Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H

Buộc bị đơn và Dương Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H tổng số tiền là 2.608.350.000 đồng (hai tỷ sáu trăm lẻ tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó tiền gốc là 1.500.000.000đ, tiền lãi là 1.108.350.000 đồng.”

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2022 bà Nguyễn Thị Kim H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.030.000.000 đồng và lãi suất phát sinh trên số nợ gốc theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị HĐXX xem xét ghi nhận và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này. Thời hạn thi hành theo quy định của luật thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn chấp nhận toàn bộ ý kiến của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo số nợ gốc còn lại là 2.030.000.000 đồng và lãi suất phát sinh trên số nợ gốc theo như ý kiến của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa về khoản nợ mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Nguyễn Thị Kim H làm trong thời hạn luật định và hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận số nợ gốc đã nợ nguyên đơn là 2.530.000.000 đồng, đã trả được 500.000.000 tiền gốc (thông

qua bà T) và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 2.030.000.000 đồng và số tiền lãi suất phát sinh từ khoản nợ gốc tính theo từng giai đoạn cụ thể:

Lãi suất trên số nợ gốc 2.530.000.000 đồng kể từ ngày 15-9-2020 đến ngày 21-01-2021 là: 2.530.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 04 tháng 06 ngày = 159.390.000 đồng.

Lãi suất trên số nợ gốc 2.030.000.000 đồng kể từ ngày 22-01-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm: 2.030.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 19 tháng 17 ngày = 595.805.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà V đồng ý trả cho bà H là: **755.195.000 đồng**.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm bà V đồng ý trả cho bà H tổng số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh là 2.785.195.000 đồng và được phía bị đơn chấp nhận. Xét thấy, việc tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H theo quy định của Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2, 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Bị đơn bà Dương Thị V đồng ý trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H tổng số tiền là 2.785.195.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng*), trong đó 2.030.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*) tiền gốc và 755.195.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tiền lãi. Thời hạn thi hành theo quy định của luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2 Về án phí:

2.1. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Dương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 87.703.000 đồng (tám mươi bảy triệu bảy trăm lẻ ba nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

2.2. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp theo biên lai thu 0004295 ngày 20/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Bùi Danh Đại

